TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 14/10/2019 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 266/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **37**/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Minh H, sinh năm 1993; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1995; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn Ông Dương Minh H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Dương Minh H và Bà Lê Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương vào năm 2013 và đi đến hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 01/6/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau một thời gian đầu. Sau đó, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến đời sống vợ chồng gặp nhiều bất hòa nên đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay ông H và bà T cũng không thể hàn gắn, đoàn tụ.Vì vậy, nay ông H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với bà T.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống ông H và bà T có một con chung tên là Dương Phước T, sinh ngày 03/12/2013. Từ khi ly thân đến nay con chung do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Khi ly hôn, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai bị đơn Bà Lê Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà cùng thống nhất như lời trình bày của ông H về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian sống ly thân.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vả lẫn nhau nên đến đầu năm 2018 bà T và ông H đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nếu như ông H không muốn hàn gắn để trở về cùng chung sống và đoàn tụ thì trước yêu cầu ly hôn của ông, bà T đồng ý.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống bà T và ông H có một con chung tên là Dương Phước T, sinh ngày 03/12/2013. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thiệnc ho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Khi ly hôn, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn Ông Dương Minh H được ly hôn với bị đơn Bà Lê Thị T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Chấp nhận yêu cầu của ông H.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn Ông Dương Minh H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Bà Lê Thị T theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn Bà Lê Thị Tcó nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông H và bà T tự nguyện chung sống và lấy nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 01/6/2014. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo các Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông H đối với bị đơn bà T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông H và bà T thống nhất có một con chung tên là Dương Phước T, sinh ngày 03/12/2013. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đồng ý để ông H tiếp tục nuôi con chung là cháu T cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi theo như yêu cầu của ông H.

Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của ông H và bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Dương Minh H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Ông Dương Minh H được ly hôn với Bà Lê Thị T.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Phước T, sinh ngày 03/12/2013 cho Ông Dương Minh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Dương Minh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩmđược khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)*ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027209 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn,bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngay kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *UBND xã Long Hà;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh